

# NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NỢ XẤU CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Trần Chí Chinh  
Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM

**Tóm tắt:** Mục tiêu của bài viết là tìm hiểu và phân tích các nguyên nhân dẫn đến nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam, nhóm nguyên nhân từ phía bản thân ngân hàng thương mại (NHTM), nhóm nguyên nhân ảnh hưởng từ chính sách và quản lý của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), nhóm nguyên nhân từ phía doanh nghiệp đi vay. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm kiểm soát và xử lý vấn đề nợ xấu có hiệu quả cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

**Từ khóa:** Nợ xấu, phân loại nợ.

Kiểm soát và xử lý vấn đề nợ xấu luôn là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của hệ thống ngân hàng, đặc biệt khi tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam tăng cao như hiện nay. “Theo ông Nguyễn Hữu Nghĩa - quyền Chánh Thanh tra NHNN, nợ xấu toàn hệ thống ngân hàng tính đến ngày 31/3/2012 là 202.000 tỷ đồng, tương đương 8,6% tổng dư nợ” (Thanh Thanh Lan, 2012). Tuy nhiên đây mới chỉ là các con số theo cách đánh giá rủi ro tín dụng và phân loại nợ của ngân hàng Việt Nam, còn nếu chúng ta áp dụng cách đánh giá rủi ro tín dụng theo chuẩn quốc tế (Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng) thì con số nợ xấu của toàn hệ thống NHTM Việt Nam có thể còn cao hơn. Việc tỷ lệ nợ xấu cao như hiện nay nếu chúng ta không kiểm soát và xử lý kịp thời thì hậu quả xấu của nó gây ra đối với bản thân các ngân hàng và đối với nền kinh tế là rất lớn. Thứ nhất, tỷ lệ nợ xấu cao có thể làm giảm lợi nhuận hoặc gây thua lỗ đối với ngân hàng do tăng trích lập dự phòng rủi ro, làm xói mòn niềm tin đối với những người gửi tiền, các nhà đầu tư và nếu không sớm cải thiện sẽ gây nên rủi ro thanh khoản và ảnh hưởng rất lớn đến an toàn của hệ thống ngân hàng. Thứ hai, tỷ lệ nợ xấu cao sẽ gây bất ổn cho kinh tế vĩ mô, nợ xấu là một trong những tác nhân gây ra lạm phát cao và sau đó kéo theo là lãi suất cũng tăng cao do Ngân

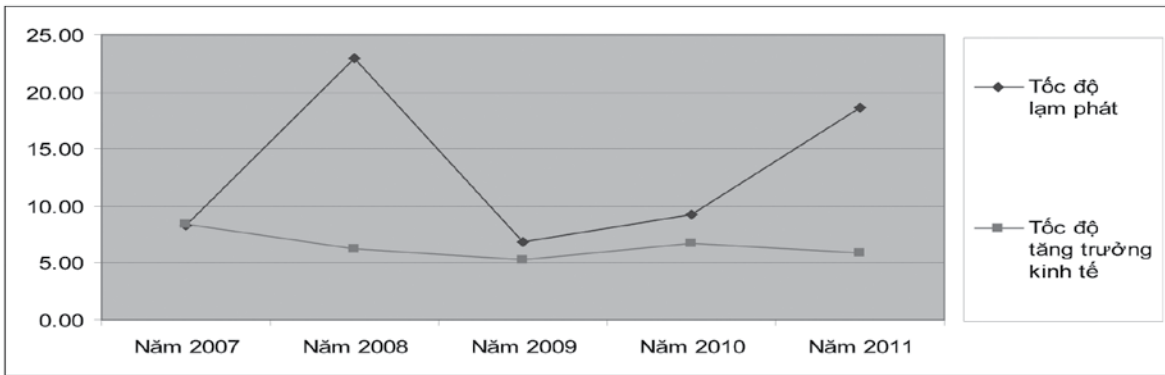
hàng Trung ương phải thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát. Một khi lạm phát và lãi suất cao sẽ gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có tỷ trọng vốn vay lớn.

## Cơ sở lý thuyết về nguyên nhân nợ xấu

Vấn đề này được lý giải như sau: theo học thuyết số lượng của Irving Fisher,  $M \times V = P \times Y$  (M: cung tiền tệ, V: tốc độ chu chuyển của tiền tệ, P: mức giá cả, Y: tổng sản phẩm) (Nguyễn Quang Cư và các tác giả, 1994). Thông qua việc cấp tín dụng bằng hình thức chuyển khoản các ngân hàng đã thực hiện chức năng tạo tiền, như vậy khi các ngân hàng cấp tín dụng bằng hình thức chuyển khoản sẽ làm tăng cung tiền tệ. Nợ xấu tăng có nghĩa là các doanh nghiệp đi vay sử dụng vốn tín dụng không hiệu quả, không tạo ra được các hàng hóa, dịch vụ (Y) tương ứng với tốc độ tăng cung tiền tệ. Theo học thuyết số lượng, khi M tăng nếu Y không tăng tương ứng với tốc độ tăng của M và nếu V không đổi thì P sẽ tăng. Trong thực tế khi P có dấu hiệu tăng thì V cũng sẽ tăng do mọi người không muốn nắm giữ tiền vì lo ngại sự mất giá của đồng tiền, khi V tăng lại là một tác nhân gây ra lạm phát cao. Về mặt lý thuyết, nguyên nhân dẫn đến nợ xấu của

**Biểu đồ 1: Tỷ lệ lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2007-2011**

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục Thống kê (2012)

các ngân hàng thường được nhìn nhận từ các góc nhìn sau:

**Nguyên nhân xuất phát từ phía ngân hàng:**

chính sách tín dụng không hợp lý, quá đặt nặng vào mục tiêu lợi nhuận dẫn đến tăng trưởng tín dụng nóng hoặc cho vay tập trung vào những lĩnh vực có rủi ro cao, danh mục cho vay thiếu đa dạng cho nên hạn chế khả năng phân tán rủi ro (tăng trưởng tín dụng nóng và nợ xấu phát sinh sẽ có độ trễ thời gian, độ trễ thời gian tính từ thời điểm tăng trưởng tín dụng nóng và thời điểm phát sinh nợ xấu tùy thuộc vào thời hạn của các khoản tín dụng). Do người xét duyệt cho vay chưa am hiểu thị trường, thiếu thông tin hoặc phân tích thông tin không đầy đủ dẫn đến cho vay và đầu tư không đúng. Ngân hàng bố trí cán bộ thiếu đạo đức hoặc hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Sau khi cho vay thiếu giám sát và quản lý khoản vay, chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ của ngân hàng không tốt, việc chia sẻ thông tin về khách hàng vay giữa các ngân hàng còn lỏng lẻo (Phan Thị Thu Hà, 2009).

**Nguyên nhân xuất phát từ khách hàng vay:**

khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, không có thiện chí trả nợ. Trình độ, năng lực quản lý kinh doanh yếu kém dẫn đến sử dụng vốn vay không hiệu quả. Tình hình tài chính doanh nghiệp không tốt, thiếu minh bạch, sử dụng vay nợ quá lớn trong cấu

trúc vốn, dẫn đến khi lãi suất thị trường tăng cao, doanh nghiệp không có khả năng trả nợ (Nguyễn Minh Kiều, 2006).

**Các nguyên nhân khác:**

môi trường pháp lý chưa hoàn thiện, cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng hoạt động chưa hiệu quả. Các yếu tố kinh tế vĩ mô diễn biến theo chiều hướng bất lợi do thiên tai, dịch bệnh, do tác động của khủng hoảng, suy thoái kinh tế của khu vực và thế giới (Phan Thị Thu Hà, 2009).

Nguyên nhân nợ xấu tăng cao của hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay là do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Trong những năm gần đây, tốc độ lạm phát của Việt Nam khá cao, trong khi đó tốc độ tăng trưởng kinh tế bị giảm thấp (Biểu đồ 1). Các yếu tố kinh tế vĩ mô diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi, gây không ít khó khăn cho các doanh nghiệp cũng như hoạt động tín dụng của ngân hàng. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khác có thể kể đến là:

- Nhóm nguyên nhân từ bản thân ngân hàng

Áp lực tăng trưởng tín dụng, hiện nay trong tổng tài sản có của các ngân hàng Việt Nam, khoản mục tín dụng vẫn chiếm một tỷ trọng khá cao. Vì vậy, lợi nhuận có được của các ngân hàng Việt Nam còn quá phụ thuộc vào hoạt động tín dụng. Do đó, để đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng, các ngân hàng luôn bị áp lực

phải tăng trưởng tín dụng. Khi tăng trưởng tín dụng, các ngân hàng phải chấp nhận một tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ tín dụng ở một mức nhất định. Tuy nhiên, nếu tăng trưởng tín dụng nhanh sẽ vượt quá khả năng kiểm

soát của ngân hàng và hậu quả là nợ xấu có thể sẽ tăng cao.

Bảng 1 cho thấy khi các ngân hàng tăng trưởng tín dụng thì nợ xấu của ngân hàng gia

**Bảng 1: Tỷ lệ nợ xấu, tỷ trọng dư nợ cho vay và ứng trước khách hàng trên tổng tài sản có của một số NHTM Việt Nam**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Ngân hàng	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	NHTM Cổ phần Ngoại thương (Vietcombank)	Cho vay và ứng trước khách hàng	97.631	111.642	140.547	175.600	208.832
		Nợ xấu	3.211	5.202	3.382	4.909	4.176
		Tổng tài sản có	197.363	220.664	255.068	306.931	368.522
		Tỷ lệ nợ xấu/Cho vay và ứng trước khách hàng (%)	3,29	4,66	2,41	2,80	2,00
		Tỷ trọng cho vay và ứng trước khách hàng/Tổng tài sản có (%)	49,47	50,59	55,10	57,21	56,67
2	NHTM Cổ phần Công thương (Vietinbank)	Cho vay và ứng trước khách hàng	102.191	120.752	163.619	234.205	291.915
		Nợ xấu	1.042	2.186	1.001	1.539	2.167
		Tổng tài sản có	166.113	193.590	243.785	367.712	460.317
		Tỷ lệ nợ xấu/Cho vay và ứng trước khách hàng (%)	1,02	1,81	0,61	0,66	0,74
		Tỷ trọng cho vay và ứng trước khách hàng/Tổng tài sản có (%)	61,52	62,38	67,12	63,69	63,42
3	NHTM Cổ phần Á Châu (ACB)	Cho vay và ứng trước khách hàng	31.811	34.833	62.358	87.195	102.809
		Nợ xấu	26	309	255	293	918
		Tổng tài sản có	85.392	105.306	167.881	205.103	281.019
		Tỷ lệ nợ xấu/Cho vay và ứng trước khách hàng (%)	0,08	0,89	0,41	0,34	0,89
		Tỷ trọng cho vay và ứng trước khách hàng/Tổng tài sản có (%)	37,25	33,08	37,14	42,51	36,58
4	NHTM Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank)	Cho vay và ứng trước khách hàng	35.378	35.009	59.657	77.359	78.449
		Nợ xấu	81	209	384	403	441
		Tổng tài sản có	64.573	68.439	104.019	141.799	140.137
		Tỷ lệ nợ xấu/Cho vay và ứng trước khách hàng (%)	0,23	0,60	0,64	0,52	0,56
		Tỷ trọng cho vay và ứng trước khách hàng/Tổng tài sản có (%)	54,79	51,15	57,35	54,56	55,98
5	Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	Cho vay và ứng trước khách hàng	18.452	21.232	38.382	62.346	74.663
		Nợ xấu	162	1.001	704	885	1.203
		Tổng tài sản có	33.710	48.248	65.448	131.105	183.680
		Tỷ lệ nợ xấu/Cho vay và ứng trước khách hàng (%)	0,88	4,71	1,83	1,42	1,61
		Tỷ trọng cho vay và ứng trước khách hàng/Tổng tài sản có (%)	54,74	44,01	58,65	47,55	40,65
6	NHTM Cổ phần Quân đội (MB)	Cho vay và ứng trước khách hàng	11.469	15.740	29.588	45.756	58.527
		Nợ xấu	117	288	467	613	938
		Tổng tài sản có	29.624	44.346	69.008	104.344	134.699
		Tỷ lệ nợ xấu/Cho vay và ứng trước khách hàng (%)	1,02	1,83	1,58	1,34	1,60
		Tỷ trọng cho vay và ứng trước khách hàng/Tổng tài sản có (%)	38,72	35,49	42,88	43,85	43,45

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo tài chính của 6 ngân hàng*

tăng cả về số tuyệt đối lẫn tương đối. Tuy nhiên đây mới chỉ là số liệu nợ xấu từ các báo cáo tài chính của ngân hàng. Nếu các ngân hàng Việt Nam áp dụng phương pháp phân loại nợ theo chuẩn quốc tế thì con số nợ xấu có thể còn cao hơn.

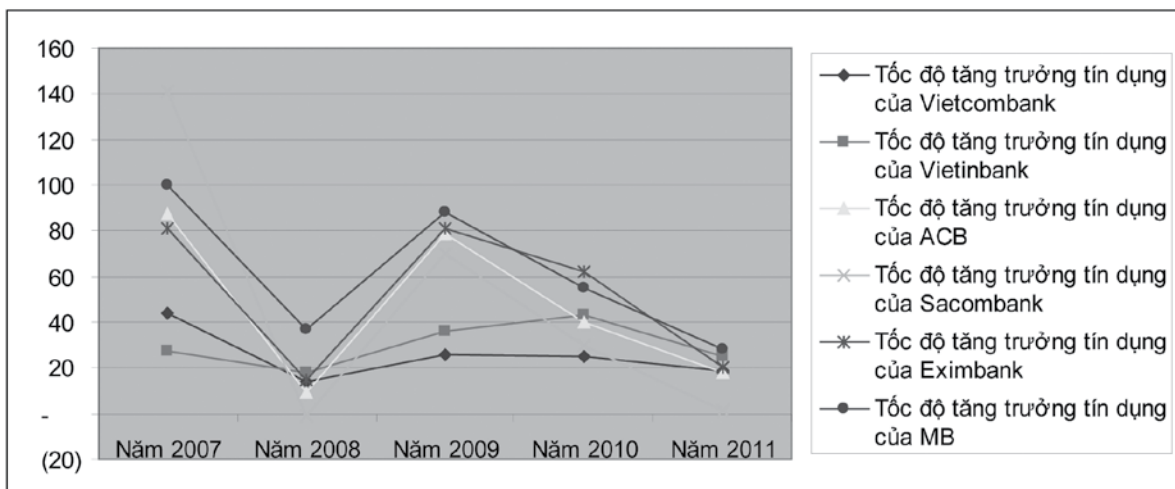
Chiến lược quản trị rủi ro chưa tốt, trong những năm trước đây tình hình kinh tế thế giới và trong nước khá thuận lợi, để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng tín dụng, các ngân hàng đã mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động quá nhanh, vượt quá khả năng quản trị. Bên cạnh đó, một số ngân hàng chưa xây dựng được chiến lược quản trị rủi ro tín dụng có khả năng thích ứng được với tình hình biến động của thị trường, đặc biệt là biến động theo chiều hướng xấu. Hiện nay quy trình quản trị rủi ro được thực hiện qua ba bước: (i) Nhận diện rủi ro; (ii) Đo lường rủi ro; (iii) Kiểm soát hoặc tài trợ rủi ro. Chiến lược quản trị rủi ro tín dụng có khả năng thích ứng là chiến lược phải được xây dựng có thể quản trị được rủi ro tín dụng trong trạng thái động, có nghĩa là việc nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro và sau đó dự kiến các biện pháp kiểm soát hoặc tài trợ rủi ro phải thích ứng được với nhiều kịch bản của thị trường. Với chiến lược quản trị rủi ro tín dụng được xây

dựng ở trong trạng thái động sẽ giúp cho ngân hàng đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, nhưng vẫn đảm bảo mức rủi ro có thể chấp nhận được ngay cả khi thị trường diễn biến theo chiều hướng xấu. Do đó, với chiến lược quản trị rủi ro chưa tốt cộng với tốc độ tăng trưởng tín dụng cao như những năm vừa qua (Biểu đồ 2) và với tình hình kinh tế những năm gần đây diễn biến theo chiều hướng bất lợi đã làm cho khả năng kiểm soát rủi ro tín dụng của các ngân hàng gặp nhiều khó khăn. Danh mục tín dụng của nhiều ngân hàng trong thời gian vừa qua còn bị dẫn dắt bởi thị trường, ngân hàng chưa xây dựng được danh mục tín dụng phù hợp với khả năng kiểm soát và chịu đựng rủi ro của mình. Việc cấp tín dụng của một số ngân hàng còn quá tập trung vào một số lĩnh vực có độ rủi ro cao, như kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán và hậu quả của nó là khi thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán gặp khó khăn dẫn đến nợ xấu của các ngân hàng cũng tăng theo. “Theo ông Nguyễn Hữu Nghĩa tính đến cuối tháng 5/2012, dư nợ đầu tư cho vay bất động sản là 197.000 tỷ đồng” (Thanh Thanh Lan, 2012).

Thông tin phục vụ việc thẩm định tín dụng chưa đầy đủ và thiếu tính hệ thống, để có thể

**Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng tín dụng của một số ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2007-2011**

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo tài chính của 6 ngân hàng

đưa ra được các quyết định cấp tín dụng có chất lượng, giúp ngân hàng hạn chế được các khoản nợ xấu. Ngoài việc ngân hàng phải có đội ngũ nguồn nhân lực có trình độ, có nhiều kinh nghiệm, kỹ năng phân tích, kỹ năng phán đoán tốt thì trước khi đưa ra quyết định cấp tín dụng, ngân hàng rất cần cập nhật đầy đủ và có chất lượng các thông tin liên quan đến khách hàng. Tuy nhiên hiện nay, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, cũng như việc xử lý thông tin được lưu trữ tại chính các ngân hàng phục vụ cho việc thẩm định tín dụng khách hàng chưa đầy đủ và thiếu tính hệ thống. “Qua đối chiếu giữa thông tin tín dụng và thực tế khách hàng có quan hệ với ngân hàng, còn nhiều trường hợp khách hàng có quan hệ với nhiều tổ chức tín dụng hoặc đã có nợ quá hạn tại một tổ chức tín dụng khác nhưng hệ thống thông tin tín dụng chưa phản ánh đầy đủ. Điều này còn xảy ra quá nhiều tại các tổ chức tín dụng, dẫn đến rủi ro cho ngân hàng” (Đình Văn Dư, 2012).

Phân loại nợ chưa tập trung vào cảnh báo sớm nợ xấu, hiện nay vẫn còn nhiều ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo quy định tại Điều 6 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN của NHNN ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng. Cách phân loại nợ này chủ yếu là giúp cho ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro, còn về mặt cảnh báo sớm rủi ro tín dụng cho các ngân hàng là rất hạn chế.

*- Nhóm nguyên nhân ảnh hưởng từ chính sách và quản lý của NHNN*

Hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát của NHNN còn hạn chế, mặc dù hàng năm thanh tra NHNN đều thanh tra định kỳ hoạt động tín dụng của các NHTM, nhưng hầu hết không phát hiện ra những khoản tín dụng có nguy cơ xảy ra rủi ro để có thể cảnh báo sớm và giúp cho NHNN đưa ra các chính sách xử lý kịp thời. “Trong 6 tháng đầu năm 2012 một số ngân hàng tiếp tục công bố kết quả kinh

doanh năm 2011 lãi hàng ngàn tỷ đồng, tăng 14-15% so với cùng kỳ năm trước. Nhưng mới đây Cơ quan Thanh tra Giám sát NHNN cho biết, lợi nhuận năm 2011 của nhiều ngân hàng không cao như công bố, thậm chí có tới 10% số lượng các tổ chức tín dụng thua lỗ” (Việt Hùng, 2012). Nợ xấu là con số thời điểm, nhưng diễn biến để chuyển từ các khoản nợ tốt sang nợ xấu là một quá trình. Như vậy, việc chậm phát hiện những khoản tín dụng có nguy cơ xảy ra rủi ro đã làm hạn chế khả năng cảnh báo sớm và việc không yêu cầu kịp thời các ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho thấy hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát của NHNN chưa tốt.

Giải pháp xử lý tín dụng chưa kịp thời, một số giải pháp NHNN đưa ra mặc dù cần thiết với tình hình hiện tại nhưng lại thiếu tính định hướng. NHNN quy định tỷ trọng dư nợ cho vay tối đa đối với lĩnh vực phi sản xuất khi mà tỷ trọng dư nợ cho vay trong lĩnh vực này của một số ngân hàng đã khá cao và đưa ra tại thời điểm thị trường bất động sản đang gặp khó khăn. Vì vậy, việc giảm tỷ trọng dư nợ cho vay theo quy định này là điều rất khó, không những cho các ngân hàng mà còn cả các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản. Nếu quy định này được đưa ra tại thời điểm khi mới xuất hiện một số ngân hàng bắt đầu tập trung cho vay đối với lĩnh vực phi sản xuất thì sẽ có tính định hướng cho các NHTM tốt hơn. Theo Chỉ thị 01/CT-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 01/3/2011 về thực hiện hiệu quả giải pháp tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, đến ngày 31/12/2011 các ngân hàng phải giảm tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất so với tổng dư nợ thực tế về tối đa là 16%. “Do hơn 90% dư nợ phi sản xuất của ngân hàng là cho vay bất động sản, trong khi thị trường này thời gian qua gần như đóng băng nên các ngân hàng gặp khó trong thu hồi nợ, dẫn đến dư nợ phi sản xuất cao. Theo số liệu từ NHNN chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, tính đến cuối tháng 10/2011, còn hơn 10 ngân hàng trên

16 tổ chức tín dụng có tỷ trọng dư nợ phi sản xuất cao. Cụ thể, tỷ trọng dư nợ phi sản xuất của NamA Bank là 19,68% trên 4.000 tỷ đồng tổng dư nợ; Sacombank là 19,6% trên 78.000 tỷ đồng; SCB 19,32% trên 42.000 tỷ đồng; Eximbank 17,2% trên hơn 73.000 tỷ đồng; HDBank 18,8% trên 13.000 tỷ đồng; ABBank 18,95% trên 17.000 tỷ đồng; DongA Bank 17% trên 47.000 tỷ đồng; NaviBank 17,2% trên 12.000 tỷ đồng; GiaDinh Bank hơn 17% trên 4.000 tỷ đồng; OCB 16,68% trên 12.000 tỷ đồng” (SBV, 2012).

- *Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC) cung cấp thông tin còn hạn chế*, hiện nay CIC thuộc NHNN Việt Nam là tổ chức duy nhất thực hiện việc thu thập và lưu trữ thông tin các khách hàng có quan hệ tín dụng với hệ thống ngân hàng Việt Nam. Nhưng thực tế, các thông tin do CIC cung cấp có độ cập nhật không cao và còn thiếu rất nhiều các chỉ tiêu quan trọng liên quan đến khách hàng như lịch sử quan hệ tín dụng của khách hàng, khả năng tài chính hiện tại của khách hàng, trình độ, kinh nghiệm của đội ngũ điều hành doanh nghiệp được cấp tín dụng...

- *Nhóm nguyên nhân từ phía doanh nghiệp đi vay*, về phía doanh nghiệp đi vay, bên cạnh các doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Cũng còn có không ít các doanh nghiệp có tình hình tài chính không tốt, hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, vay nợ chiếm tỷ trọng quá cao trong tổng nguồn vốn và khả năng dự báo thị trường yếu vẫn được ngân hàng cho vay, thậm chí được vay với số tiền rất lớn. “Theo báo cáo tài chính quý III/2011, có 14 doanh nghiệp có Tổng nợ/Tổng tài sản lớn hơn 90%, ngoài 14 doanh nghiệp có hệ số nợ trên 90%, thị trường chứng khoán còn có hơn 50 doanh nghiệp có hệ số nợ từ 80-90% và hơn 80 doanh nghiệp có hệ số nợ từ 70-80%. Mức đòn bẩy tài chính này kéo theo không ít rủi ro trong bối cảnh kinh tế khó khăn và nguồn lợi nhuận tạo ra từ vay nợ không đủ bù đắp chi phí vốn phải trả” (TTVN, 2012). Hậu quả của

vấn đề này là khi tình hình kinh tế thế giới và trong nước không thuận lợi các doanh nghiệp này lâm vào tình trạng phá sản, một khi doanh nghiệp đi vay phá sản, nợ xấu của các ngân hàng cho vay đối với các doanh nghiệp này gia tăng là điều tất yếu. “Theo Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, tính đến hết năm 2011 có 79.014 doanh nghiệp giải thể” (Xuân Ngọc, 2012). Đến hết quý I/2012, có 2.400 doanh nghiệp đã làm thủ tục giải thể và 11.600 doanh nghiệp đăng ký ngưng hoạt động có thời hạn hoặc dừng nghĩa vụ nộp thuế. Số doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể tăng 57% so với cùng kỳ” (Vũ Hạnh, 2012).

### Giải pháp, kiến nghị

**Thứ nhất là quản trị**, đối với các ngân hàng để có thể đưa ra được các quyết định tín dụng có chất lượng, đòi hỏi ngân hàng không những phải có đầy đủ thông tin về khách hàng mà còn phải có đội ngũ nhân viên có khả năng phân tích tín dụng, khả năng phán đoán. Hiện nay, một số cán bộ làm công tác cho vay còn hạn chế về kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng đọc và phân tích tài chính doanh nghiệp, kỹ năng đánh giá hiệu quả của phương án, dự án vay vốn, kỹ năng dự báo tình hình thị trường. Vì vậy, để nâng cao chất lượng phân tích tín dụng và quyết định tín dụng nhằm hạn chế nợ xấu, các ngân hàng phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để thực hiện được điều này, bản thân các ngân hàng phải thực hiện tốt công tác đào tạo và đào tạo lại các kiến thức liên quan đến phân tích tín dụng, thẩm định dự án đầu tư, các kiến thức về thị trường, về các phương pháp dự báo trong kinh doanh và đặc biệt là các kiến thức về quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn quốc tế. Việc này chỉ được thực hiện tốt trên cơ sở nâng cao vai trò các trung tâm đào tạo của ngân hàng, kết hợp với việc cử nhân viên của mình đi đào tạo và đào tạo lại tại các trường đại học trong và ngoài nước. Đối với các cán bộ quản lý cấp cao của ngân hàng, nếu nguồn nhân lực trong nước không đáp ứng được, ngân hàng

có thể thuê các chuyên gia nước ngoài. Trên cơ sở đó, chúng ta có thể học hỏi và nhận được sự chuyển giao công nghệ quản trị ngân hàng, đặc biệt là công nghệ quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, các ngân hàng cần phải xây dựng chiến lược kinh doanh, xây dựng danh mục tín dụng không những phù hợp với tình hình biến động của thị trường, khả năng kiểm soát và chịu đựng rủi ro mà còn phù hợp với khả năng về nguồn nhân lực của ngân hàng mình.

**Thứ hai là áp dụng phương pháp phân loại nợ có khả năng cảnh báo sớm rủi ro tín dụng.** Tại Khoản 1, Điều 4 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN quy định trong thời gian tối đa 03 năm kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, tổ chức tín dụng phải xây dựng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để hỗ trợ cho việc phân loại nợ, quản lý chất lượng tín dụng. Tính tới nay, quyết định này đã có hiệu lực hơn 07 năm nhưng mới có rất ít các ngân hàng sử dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để phân loại nợ, quản lý chất lượng tín dụng. “Tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Giám sát Tài chính, Tiền tệ Quốc gia đưa ra thông tin đáng lo ngại, tính đến hết năm 2010 chỉ có 03 ngân hàng (BIDV, MB, VCB) đã thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định” (Việt Hùng, 2012) và năm 2011 có thêm ACB áp dụng. Vì vậy, NHNN cần sớm yêu cầu lại và có chế tài đủ mạnh để bắt buộc các ngân hàng phải xây dựng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ hỗ trợ cho việc phân loại nợ, quản lý chất lượng tín dụng. Trên cơ sở đó từng bước tiếp cận cách đánh giá rủi ro tín dụng và phân loại nợ theo chuẩn quốc tế (Basel II). Với cách đánh giá rủi ro tín dụng theo chuẩn quốc tế sẽ giúp cho các ngân hàng nhận biết sớm được các khoản tín dụng có nguy cơ xảy ra rủi ro, từ đó có thể đưa ra được các giải pháp để có thể hạn chế nợ xấu. Tại một thời điểm, rủi ro nội tại của một khoản tín dụng là không thay đổi dù đánh giá rủi ro bằng phương pháp nào, chỉ khác là với phương pháp đánh giá

đó có phản ánh được đúng bản chất rủi ro của khoản tín dụng đó hay không.

**Thứ ba là nâng cao vai trò của CIC và phát triển hoạt động xếp hạng tín nhiệm độc lập,** CIC cần có đề án xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, xử lý thông tin phục vụ cho quá trình thẩm định khách hàng, cũng như kiểm soát rủi ro tín dụng của hệ thống ngân hàng một cách đầy đủ và có hệ thống. Hiện nay, CIC đã thực hiện việc xếp hạng tín nhiệm đối với các doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với các ngân hàng, tuy nhiên số các doanh nghiệp được CIC xếp hạng tín nhiệm còn rất hạn chế. Vì vậy, cần mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động xếp hạng tín nhiệm của CIC, điều này giúp cho ngân hàng có thể cảnh báo sớm rủi ro tín dụng đối với các khách hàng được xếp hạng. Trên thế giới hoạt động xếp hạng tín nhiệm độc lập đóng một vai trò rất lớn trong việc cung cấp kết quả xếp hạng tín nhiệm các công ty được xếp hạng. Việc cung cấp kết quả các công ty được xếp hạng không những giúp minh bạch thông tin đối với công ty được xếp hạng trên thị trường mà còn giúp các ngân hàng có thêm cơ sở để ra quyết định cấp tín dụng có chất lượng hơn. Hiện nay, Việt Nam đã có một số công ty xếp hạng tín nhiệm độc lập (Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Việt Nam - CRV, Công ty Thông tin Tín nhiệm và Xếp hạng Doanh nghiệp Việt Nam - VietnamCredit, Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp - CRC, Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam - VietnamReport). Tuy nhiên, đối tượng được các công ty này xếp hạng tín nhiệm chủ yếu là các công ty niêm yết. Vì vậy, để ngân hàng Việt Nam có thêm cơ sở để ra quyết định tín dụng, bên cạnh kết quả phân tích tín dụng và kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của mình, rất cần có thêm thông tin và kết quả xếp hạng tín nhiệm về các công ty được xếp hạng của các công ty xếp hạng tín nhiệm độc lập. Vì vậy, Chính phủ, các bộ ngành liên quan cần hoàn thiện chính sách để

phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập.

## Kết luận

Nợ xấu của hệ thống của ngân hàng Việt Nam hiện nay đã ở mức khá cao và có dấu hiệu tiếp tục gia tăng. Vì vậy, việc phải đưa ra ngay các giải pháp để xử lý và kiểm soát vấn đề nợ xấu là nhiệm vụ cấp thiết hiện

nay. Nhưng để thực hiện được điều này, nếu chỉ bản thân các ngân hàng và NHNN khó có thể thực hiện được mà cần có sự hỗ trợ của Chính phủ và các bộ ngành liên quan. Việc xử lý và kiểm soát vấn đề nợ xấu phải được thực hiện đồng bộ bằng việc kết hợp các giải pháp, có như vậy thì việc xử lý và kiểm soát vấn đề nợ xấu đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam mới có thể đạt được hiệu quả■

## Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tài chính thường niên các năm 2006-2011 của 6 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, ACB, Sacombank, Eximbank, MB.
2. Đinh Văn Du (2012). Sự cần thiết của thông tin trên báo chí trong thẩm định khách hàng vay vốn. <http://www.vietinbank.vn/web/home/vn/research/07/070309.html>.
3. Nguyễn Minh Kiều (2006). Nghiệp vụ ngân hàng. Nhà xuất bản Thống Kê.
4. Nguyễn Quang Cư và các tác giả (1994). Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
5. Phan Thị Thu Hà (2009). Quản trị ngân hàng thương mại. Nhà Xuất bản Giao thông Vận tải.
6. SBV (2012). Gần 70% ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh có dư nợ phi sản xuất cao. <http://www.baomoi.com/Gan-70-ngan-hang-TPHCM-co-du-no-phi-san-xuat-cao/126/7396788.epi>.
7. Tổng cục Thống kê (2012). Một số chỉ tiêu chủ yếu về tài khoản quốc gia, chỉ số giá tiêu dùng các tháng trong năm. <http://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=217>.
8. TTVN (2012). Những doanh nghiệp nợ gấp nhiều lần vốn chủ sở hữu. <http://www.baomoi.com/Home/TaiChinh/vinacorp.vn/Nhung-doanh-nghiep-no-gap-nhieu-lan-von-chu-so-huu/7581259.epi>.
9. Thanh Thanh Lan (2012). Nợ xấu ngân hàng lên đến 202.000 tỷ đồng. <http://ebank.vnexpress.net/gl/ebank/tin-tuc/2012/07/no-xau-ngan-hang-len-den-202-000-ty-dong-1/>.
10. Việt Hùng (2012). Đứng sau nợ xấu. <http://www.tienphong.vn/xo-hoi/chuyen-hom-nay/584635/Dang-sau-no-xau-tp.html>.
11. Vũ Hạnh (2012). Lãi suất và chuyên cứu doanh nghiệp. <http://www.thoibaonganhang.vn/index.php/tin-tuc/5-lai-suat-cau-chuyen-cuu-doanh-nghiep-1642.html>.
12. Xuân Ngọc (2012). Hơn 7600 doanh nghiệp giải thể trong năm 2011. <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2012/03/hon-7-600-doanh-nghiep-giai-the-trong-nam-2011/>.